

Bản án số: **75/2026/HS-PT**  
Ngày: 30 - 3 - 2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Văn Phú**

*Các Thẩm phán:* Ông **Đình Tấn Long**

Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Huỳnh Thái Ngọc Nhật** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Hữu Đãi Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2026/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T** cùng các đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T**, **Nguyễn Thị Thanh T1**, **Nguyễn Thị Tường V** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2025/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng.

**\* Các bị cáo có kháng cáo:**

1. **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh ngày: 15/7/1987; nơi thường trú: **K Ông Í, phường H. Đà Nẵng**; chỗ ở hiện nay: **B L, phường A, thành phố Đà Nẵng**; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Nguyễn T2**, sinh năm 1961 và bà **Trần Thị Lệ D**, sinh năm 1961; có chồng là **Nguyễn Quang D1** và 10 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2025.

Tiền án, tiền sự:

+ Ngày 15/01/2019 bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (cũ) xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” (Theo Bản án số 08/2019/HSST ngày 15/01/2019), hiện đang hoãn thi hành án.

+ Ngày 15/5/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt tiền 140.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” (Theo Bản án số 13/2019/HS-ST ngày 15/5/2019).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thị Thanh T1**, sinh ngày: 23/5/1985; nơi ở hiện tại: **2 Hải Phòng, phường T. Đà Nẵng**; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Nguyễn T2**, sinh năm 1961 và bà **Trần Thị Lệ D**, sinh năm 1961; có chồng và 04 con, con lớn nhất sinh

năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/01/2025 đến ngày 05/6/2025 áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Thị Tường V**, sinh ngày 06/02/1986; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: **K N, phường H, thành phố Đà Nẵng**; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Hữu S**, sinh năm 1964 và bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm: 1964; có chồng nhưng đã ly hôn, bị cáo có 06 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/9/2024 bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, **tp.** xử phạt tiền 400.000.000 đồng về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” (Bản án số 84/2024/HS-ST).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/01/2025 đến ngày 05/6/2025 áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

\* **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1**: Luật sư **Hoàng Thị Tuấn T3** – Văn phòng **L**, thuộc Đoàn Luật sư thành phố **Đ**. Địa chỉ: **I N, phường A, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

\* **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tường V**: Luật sư **Nguyễn Văn P**, Công ty **L1** và Cộng sự. Địa chỉ: **H H, phường H, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/12/2024, **Chi cục Thuế khu vực C1** có Công văn số 4523/CCTKV-KT12 “Về việc chuyển tin báo doanh nghiệp có dấu hiệu mua bán trái phép hóa đơn sang Cơ quan điều tra”. Nội dung Công văn này thể hiện việc qua rà soát, phân tích hồ sơ sơ khai thuế của người nộp thuế gửi cơ quan thuế qua hệ thống quản lý thuế tập trung và qua rà soát việc sử dụng hóa đơn của người nộp thuế tại ứng dụng hóa đơn điện tử của ngành thuế, **Chi cục Thuế khu vực C1** phát hiện **Công ty TNHH T7**, MST: 0402088501. Địa chỉ: **C T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng)**, đại diện theo pháp luật là ông **Trần Văn S1** - có hành vi vi phạm pháp luật về thuế có dấu hiệu phạm tội nên chuyển hồ sơ đến cơ quan điều tra đề nghị xác minh, Điều tra để giải quyết theo quy định.

#### **Quá trình điều tra xác định:**

Mặc dù **Nguyễn Thị Thanh T** đã bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (cũ) và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (cũ) xét xử các tội: “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” và “Trốn thuế”, hiểu rõ hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) là vi phạm pháp luật hình sự nhưng nhận thấy nhiều doanh nghiệp có nhu cầu mua hóa đơn GTGT và thu lợi lớn nên từ năm 2021 đến nay, **T** tiếp tục thuê các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ thành lập mới hoặc nhận chuyển nhượng lại các công ty để cùng **Nguyễn Thị Thanh T1** và **Nguyễn Thị Tường V** thực hiện hoạt động xuất bán trái phép hóa đơn GTGT cho nhiều doanh nghiệp.

Để làm thủ tục thành lập mới hoặc nhận chuyển nhượng lại các công ty, **T** mượn Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân của người thân quen chụp ảnh, gửi kèm thông tin liên quan đến doanh nghiệp như: Tên công ty, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, số điện thoại của chủ sở hữu, nội dung ngành nghề kinh doanh gửi qua zalo cho các tổ chức, cá nhân chuyên làm dịch vụ đăng ký thành lập doanh nghiệp để thuê làm thủ tục thành lập doanh nghiệp hoặc nhận chuyển nhượng lại doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc **Sở Tài chính thành phố Đ.**

Dịch vụ làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp soạn và gửi file hồ sơ thành lập doanh nghiệp qua mạng xã hội zalo của **T** gồm: Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp; Điều lệ Công ty, Giấy ủy quyền làm việc với Phòng Đăng ký kinh doanh với bên ủy quyền là Giám đốc Công ty và bên nhận ủy quyền là dịch vụ thành lập doanh nghiệp để **T** trực tiếp ký vào phần Giám đốc và người ủy quyền, sau đó **T** scan hồ sơ kèm Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân gửi qua zalo cho phía dịch vụ để đăng ký hồ sơ. Ngoài ra, **T** thuê dịch vụ làm con dấu doanh nghiệp, đặt mua chữ ký số, thuê địa điểm gần bảng hiệu công ty.

Đối với thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, **T** nhấn cho dịch vụ tên công ty và các nội dung cần thay đổi. Phía dịch vụ soạn thảo các tài liệu: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Quyết định bổ sung ngành nghề, Giấy ủy quyền rồi mang đến đưa cho **T** để ký tên vào mục người đại diện pháp luật, chủ sở hữu công ty, người ủy quyền để làm thủ tục thay đổi.

Qua điều tra xác định từ năm 2021 đến nay, **T** trả tiền thuê các tổ chức, cá nhân thành lập, làm thủ tục nhận chuyển nhượng lại các công ty gồm: **Công ty TNHH T8** kế toán với chi phí 31.500.000 đồng; **Công ty TNHH T9 - Chi nhánh Đ** với chi phí 14.550.000 đồng; **Võ Minh H** với chi phí 150.000.000 đồng; **Nguyễn Như O** với chi phí 20.600.000 đồng; **Trần Thị Thúy H1** với chi phí 6.600.000 đồng và **Võ Thị T4** với chi phí 1.200.000 đồng.

Thông qua các đơn vị, cá nhân này, **T** đã thành lập mới 27 công ty và nhận chuyển nhượng lại 04 công ty để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT, bao gồm các công ty sau:

1. **Công ty TNHH T10.**
2. **Công ty TNHH X**
3. **Công ty TNHH T11.**
4. Công ty TNHH Thương mại tổng hợp và xây dựng Đại Thành Công
5. Công ty TNHH Hải Nguyên Thịnh
6. **Công ty TNHH X1.**
7. **Công ty TNHH X2.**
8. **Công ty TNHH T7.**
9. Công ty TNHH Lâm Ngọc Vỹ
10. **Công ty TNHH X1** 86.
11. **Công ty TNHH L3.**

12. Công ty TNHH T12.
13. Công ty TNHH N.
14. Công ty TNHH T13.
15. Công ty TNHH D2
16. Công ty TNHH D3.
17. Công ty TNHH P1.
18. Công ty TNHH T14.
19. Công ty TNHH D4
20. Công ty TNHH X và thương mại Nguyễn Nguyễn Gia .
21. Công ty TNHH D5 68.
22. Công ty TNHH D6.
23. Công ty TNHH T7.
24. Công ty TNHH T15.
25. Công ty TNHH MTV T16.
26. Công ty TNHH X3.
27. Công ty TNHH X4.
28. Công ty TNHH T17.
29. Công ty TNHH T18.
30. Công ty TNHH T19 và Thi công xây dựng Lê Nguyễn .1
31. Công ty TNHH V2.

Các công ty này không phát sinh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao đầu ra cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu. Các hóa đơn GTGT xuất đầu ra này không được hạch toán, kê khai báo cáo tài chính, báo cáo thuế hoặc có hoạch toán, kê khai nhưng nộp thuế rất ít, còn để nợ thuế.

Từ năm 2021 đến năm 2024, tổng cộng Nguyễn Thị Thanh T sử dụng pháp nhân của 31 doanh nghiệp nêu trên xuất bán trái phép tổng cộng 8.494 hoá đơn GTGT với tổng giá trị hoá đơn trước thuế là 561.738.685.809 đồng, thuế suất GTGT trên các hoá đơn là 8% hoặc 10% theo quy định của pháp luật, tổng giá trị sau thuế là 613.874.506.633 đồng. Cụ thể:

+ Quá trình kinh doanh, T có mua các mặt hàng như đất, cát, đá trôi nổi trên thị trường, không có hóa đơn đầu vào sau đó bán lại cho khách hàng có nhu cầu. T sử dụng pháp nhân 02 công ty (Công ty X3 và Công ty X1) để xuất hoá đơn GTGT đầu ra cho khách hàng theo yêu cầu, lấy chi phí là 8% giá trị hoá đơn trước thuế đối với hàng hoá là dịch vụ vận chuyển và 10% đối với hàng hoá là đất, cát, đá theo mức thuế suất do Nhà nước quy định. Các khách mua hàng của T thanh toán tiền hàng theo trị giá hóa đơn GTGT do T xuất ra, không biết nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ T cung cấp.

+ Đối với các doanh nghiệp còn lại, T xuất khống hóa đơn cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu, lấy chi phí là 6% giá trị hoá đơn trước thuế. Tổng cộng số tiền T thu được từ việc xuất bán trái phép hoá đơn GTGT là 35.031.467.712 đồng, sau khi trừ đi các chi phí tổng cộng là 2.085.461.363 đồng (gồm chi phí làm dịch vụ thành lập doanh nghiệp

224.450.000 đồng, nộp thuế vào ngân sách Nhà nước 599.272.677 đồng, trả cho Nguyễn Thị Thanh T1 561.738.686 đồng, trả cho Nguyễn Thị Tường V 700.000.000 đồng), T hưởng lợi bất chính 32.946.006.349 đồng (Ba mươi hai tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu sáu ngàn ba trăm bốn mươi chín đồng).

Về hình thức mua bán, khách hàng có nhu cầu sẽ liên hệ T qua số điện thoại 0935721468 hoặc Nguyễn Thị Thanh T1 qua số điện thoại 0935 808 651 hoặc Nguyễn Thị Tường V số 0989 914 914 để thoả thuận nội dung, trị giá hoá đơn cần xuất, giá bán hoá đơn, lập hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng,... Sau khi hai bên thống nhất nội dung hóa đơn, T đăng nhập tài khoản doanh nghiệp lên trang website: Vin-hoadon.com, điền thông tin hoá đơn GTGT: Tên người mua, thuế, địa chỉ, nội dung hoá đơn, khối lượng, đơn giá, thành tiền, giá trị hoá đơn trước thuế, thuế suất, giá trị hoá đơn sau thuế,... rồi xuất ra, gửi trực tiếp cho khách hàng, người trung gian qua zalo, mail hoặc các khách hàng do T1, V liên hệ làm việc thì gửi cho T1 và V để chuyển lại cho khách hàng.

Để hợp thức hoá dòng tiền theo giá trị hoá đơn xuất không, T làm thủ tục đăng ký mở 29 tài khoản ngân hàng cho 29 doanh nghiệp bán hóa đơn. T sử dụng các tài khoản ngân hàng của T, Nguyễn Thị Thanh T1 và Nguyễn Thị Tường V, sử dụng tiền cá nhân chuyển vào tài khoản cá nhân của khách hàng mua hoá đơn, khách hàng dùng tiền này chuyển vào tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp mua hóa đơn, sau đó doanh nghiệp chuyển ngược lại vào tài khoản của các công ty của T nhằm hợp thức dòng tiền thanh toán theo hóa đơn GTGT đã xuất ra. Chi phí mua hóa đơn GTGT được người mua trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của T, V, T1 hoặc khi chuyển hợp thức tài khoản cá nhân của người mua, T giữ lại phần chi phí.

Để tránh bị cơ quan chức năng phát hiện, mỗi doanh nghiệp chỉ được T sử dụng một thời gian ngắn rồi làm thủ tục tạm ngừng hoạt động. Sau khi hoàn thành giao dịch mua bán hóa đơn GTGT không với người mua thì hai bên xóa hết tin nhắn trao đổi.

Ngoài ra, do các doanh nghiệp do T thành lập phát sinh số lượng hóa đơn GTGT và doanh thu đầu ra lớn nhưng hóa đơn GTGT và chi phí đầu vào thấp, để tránh bị cơ quan thuế chú ý, T sử dụng các công ty do T thành lập để xuất hoá đơn GTGT đầu vào cho nhau như: Công ty T7 xuất cho Công ty X1 30 hoá đơn GTGT, giá trị trước thuế: 14.764.087.318 đồng, thuế GTGT: 1.451.654.650 đồng, giá trị sau thuế: 16.215.741.968 đồng; Công ty X1 xuất cho Công ty X3 10 hoá đơn GTGT, giá trị trước thuế: 2.554.077.779 đồng; thuế GTGT: 255.407.777 đồng; giá trị sau thuế: 2.809.485.556 đồng, Công ty X3 xuất cho Công ty X4 03 hoá đơn GTGT, giá trị trước thuế: 1.729.654.546 đồng, thuế GTGT: 172.965.454 đồng, giá trị sau thuế: 1.902.620.000 đồng.

Quá trình thành lập các công ty và thực hiện hành vi xuất bán hóa đơn GTGT không, Nguyễn Thị Thanh T1 hỗ trợ T làm thủ tục mở và quản lý tài khoản ngân hàng của Công ty T7, số tài khoản 112002882989 tại Ngân hàng V3. Đồng thời thực hiện các giao dịch ngân hàng, rút sec tiền mặt. Đăng nhập tài khoản ngân hàng doanh nghiệp để

hợp thức dòng tiền thanh toán. **T1** sử dụng số điện thoại 0935808651 trực tiếp liên hệ, trao đổi qua zalo. Điện thoại với khách hàng mua hoá đơn, thống nhất thông tin hoá đơn cần xuất: Tên đơn vị, mã số thuế, mặt hàng, giá trị hoá đơn cần xuất... Khi **T** bận, **T1** trực tiếp thực hiện các thao tác trên trang web vin-hoadon.com để xuất hoá đơn GTGT và gửi qua zalo, mail cho khách hàng, in hồ sơ thanh toán, ký. Đóng dấu rồi gửi về địa chỉ các khách hàng cung cấp. **T1** sử dụng tài khoản số 3050108860004 mang tên **Nguyễn Thị Thanh T1** mở tại **Ngân hàng TMCP Q** để chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của người mua hoá đơn. Sau khi khách hàng chuyển số tiền trên vào lại tài khoản ngân hàng của công ty xuất hoá đơn, **T1** chuyển số tiền này về lại tài khoản cá nhân của **T1** hoặc của **T**. **T1** được hưởng lợi 0,1% trên tổng giá trị hóa đơn GTGT trước thuế, tổng cộng **561.738.686** đồng.

**Nguyễn Thị Tường V** giúp **T** mượn và sử dụng Căn cước công dân của Ông **Võ Minh T5** để làm hồ sơ đăng ký thành lập **Công ty TNHH T20**, **Công ty T15**, **Công ty T16**, sử dụng số **Hoàng Lê Thiên B**. Ngoài ra, **V** giúp **T** mở tài khoản ngân hàng theo số điện thoại 09899914914 của **V** đăng ký dịch vụ Internet banking để nhận, chuyển tiền hợp thức việc mua bán hoá đơn qua tài khoản của các công ty theo yêu cầu **T**. Bên cạnh đó, **V** còn đăng ký mở tài khoản số 102874370647 mang tên **Lê Văn H2** tại **Ngân hàng V3**, sử dụng để luân chuyển, hợp thức dòng tiền theo trị giá hoá đơn GTGT mà **T** xuất bán cho khách hàng qua tài khoản của **Công ty T18**, **Công ty T20**, **Công ty T15**, **Công ty T16**... Khi **T** chưa có tiền, **V** sử dụng tiền cá nhân để chuyển. **V** tham gia tìm kiếm khách hàng có nhu cầu mua hoá đơn GTGT về vật tư, nguyên vật liệu, thuê nhân công, thuê máy móc thi công... **V** sử dụng số điện thoại 0989 914 914 liên hệ trao đổi các thông tin về hóa đơn với khách hàng, sau đó chuyển thông tin cho **T** để **T** thực hiện việc phát hành, xuất hóa đơn GTGT. Các hồ sơ, tài liệu kèm theo hoá đơn GTGT như hợp đồng, biên bản công nợ, biên bản đối chiếu công nợ, biên bản nghiệm thu, thanh lý được khách hàng mang đến nhà **V** tại **Số nhà A đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng** để **V** đưa cho **T** ký tên, đóng dấu và giao lại cho khách hàng. Đối với hoá đơn tiền mặt thì chỉ cần xuất hoá đơn, không làm hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý. **T** trả công cho **V** 700.000.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2025/HS-ST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T**, **Nguyễn Thị Tường V**, **Nguyễn Thị Thanh T1** và **Nguyễn Hoàng T6** phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”.

2. Căn cứ điểm a, b, d, đ khoản 2 điều 203, điểm b, s, t, n khoản 1 Điều 51, điểm g và h khoản 1 Điều 52 Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T** 04 (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt với Bản án số 08/2019/HSST ngày 15/01/2019 của TAND quận Liên Chiểu, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù 06 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Căn cứ điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203, điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T1** 02 (hai) năm tù. Trừ vào thời gian bị tạm giam 04 tháng 25 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 01 (một) năm 07 (bảy) tháng 05 (năm) ngày. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Căn cứ điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203, điểm b, s, t khoản 1 và 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Tường V** 02 (hai) năm tù. Trừ vào thời gian bị tạm giam 04 tháng 25 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 01 (một) năm 07 (bảy) tháng 05 (năm) ngày. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Hoàng T6**, về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Vào ngày 26/11/2025 và ngày 02/12/2025, các bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T**, **Nguyễn Thị Tường V** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 26/11/2025, bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T1** có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T**, **Nguyễn Thị Thanh T1**, **Nguyễn Thị Tường V** về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước*” theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T** 04 năm tù, bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T1** 02 năm tù, bị cáo **Nguyễn Thị Tường V** 02 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T** nộp 10.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, tuy nhiên, bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu, tổ chức cho người khác thực hiện hành vi phạm tội, thu lợi bất chính đặc biệt lớn nhưng số tiền khắc phục quá nhỏ, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Bị cáo **Nguyễn Thị Tường V** nộp 655.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính và 200.000 đồng tiền án phí HSST; bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T1** nộp 100.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T1** và **Nguyễn Thị Tường V**, giảm hình phạt cho bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T1** 03 tháng tù, giảm cho bị cáo **Nguyễn Thị Tường V** 06 tháng tù. Đồng thời chấp nhận ý kiến của bị cáo **Nguyễn Thị Tường V**, hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản và Lệnh phong tỏa tài khoản ngân hàng đối với bị cáo **V**, vì cho đến nay bị cáo **V** đã thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ thi hành án như bản án sơ thẩm đã tuyên.

\* Bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T** không tranh luận gì, xin giảm nhẹ hình phạt.

\* Luật sư **Hoàng Thị Tuấn T3** (người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T1**) trình bày luận cứ bào chữa: Thống nhất với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đối với bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T1**. Tuy nhiên, ngoài số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả thì bị cáo còn thống nhất giao cho cơ quan điều tra các tài khoản khác để khắc phục hậu quả, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **T1**.

\* Luật sư **Nguyễn Văn P** (người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Thị Tường V**) trình bày luận cứ bào chữa: Thống nhất với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đối

với bị cáo Nguyễn Thị Tường V. Cho đến nay, bị cáo V đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính mà bản án sơ thẩm đã tuyên là 655.000.000 đồng để khắc phục hậu quả và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản và Lệnh phong tỏa tài khoản ngân hàng đối với bị cáo V, vì cho đến nay bị cáo V đã thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ thi hành án như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo T1 và bị cáo V1 thống nhất với nội dung bào chữa của luật sư bào chữa cho mình và không tranh luận gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Tường V có đơn kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Tường V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2024, Nguyễn Thị Thanh T có hành vi thông qua các đơn vị, cá nhân chuyên làm dịch vụ đăng ký thành lập doanh nghiệp để thành lập mới 27 công ty và nhận chuyển nhượng lại 04 công ty để thực hiện hành vi mua bán trái phép 8.494 hoá đơn GTGT với tổng giá trị hoá đơn trước thuế là 561.738.685.809 đồng, thuế suất GTGT trên các hoá đơn là 8% hoặc 10% theo quy định của pháp luật, tổng giá trị sau thuế là 613.874.506.633 đồng. Đối với số hóa đơn GTGT xuất không, T lấy chi phí là 6% giá trị hoá đơn trước thuế, tổng cộng là 35.031.467.712 đồng. Số tiền này, sau khi trừ đi chi phí làm dịch vụ thành lập doanh nghiệp 224.450.000 đồng, nộp thuế vào ngân sách Nhà nước 599.272.677 đồng, trả công cho T1 và V, T hưởng lợi bất chính 32.946.006.349 đồng.

Nguyễn Thị Thanh T1 giúp T làm thủ tục mở và quản lý tài khoản ngân hàng 112002882989 của Công ty T7 mở tại Ngân hàng V3: thực hiện các giao dịch nhận, chuyển khoản để hợp thức dòng tiền thanh toán, xuất không hóa đơn GTGT cho khách hàng và được T trả công 561.738.686 đồng.

Nguyễn Thị Tường V giúp T thành lập Công ty T15 và mở tài khoản ngân hàng của các Công ty T20, Công ty T15, Công ty T16, tài khoản số 102874370647 mang tên Lê Văn H2 tại Ngân hàng V3 để nhận, chuyển tiền hợp thức hóa dòng tiền mua bán hóa đơn GTGT cho khách hàng. Được T trả công 700.000.000 đồng.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2025/HS-ST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng đã kết án bị cáo Nguyễn Thị Thanh T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước” quy định tại điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Tường V về tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước” quy định tại điểm a,

d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Tường V, kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1, thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra; đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T mức hình phạt 04 năm tù, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 02 năm tù, bị cáo Nguyễn Thị Tường V 02 năm tù là có căn cứ pháp luật.

Xét tài liệu, chứng cứ mới của các bị cáo cung cấp sau khi xét xử sơ thẩm thì thấy:

1. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T: Bị cáo T nộp 10.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, tuy nhiên, bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu, tổ chức cho người khác thực hiện hành vi phạm tội, thu lợi bất chính đặc biệt lớn nhưng chỉ mới nộp số tiền quá nhỏ, do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

2. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 và bị cáo Nguyễn Thị Tường V:

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T1 và bị cáo V giữ vai trò giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T. Số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo có được là từ việc bị cáo T trả tiền công cho các bị cáo trong nhiều năm (4 năm), tính bình quân mỗi tháng không nhiều. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo V nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 655.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 nộp 100.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 và Nguyễn Thị Tường V, giảm hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên.

3. Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Tường V về việc đề nghị huỷ bỏ **Lệnh kê biên tài sản số 2542/LKB-CSKT, ngày 04/9/2025 của cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ** và huỷ bỏ **Lệnh phong tỏa tài khoản số 2546/LPT-CSKT ngày 04/9/2025 của của cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ**.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 71/2025/HS-ST, ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – thành phố Đà Nẵng đã tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thị Tường V phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 655.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Đồng thời tuyên: Tiếp tục duy trì kê biên tài sản theo **Lệnh kê biên tài sản số 2542/LKB-CSKT, ngày 04/9/2025 của cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ** và tiếp tục duy trì phong tỏa tài khoản ngân hàng theo **Lệnh phong tỏa tài khoản số 2546/LPT-CSKT ngày 04/9/2025 của của cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ** để đảm bảo thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo V đã nộp toàn bộ khoản tiền thu lợi bất chính là 655.000.000 đồng và tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Như vậy, bị cáo đã thi hành xong nghĩa vụ thi hành án theo bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên buộc đối với bị cáo V. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị cáo Nguyễn Thị Tường V về việc đề nghị huỷ bỏ **Lệnh kê biên tài sản số 2542/LKB-CSKT, ngày 04/9/2025 của cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ** và huỷ bỏ **Lệnh phong tỏa tài khoản số 2546/LPT-CSKT ngày 04/9/2025 của của cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ** để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T1**, **Nguyễn Thị Tường V** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2025/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng về hình phạt.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T1**, **Nguyễn Thị Tường V**, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2025/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng về hình phạt.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a, b, d, đ khoản 2 điều 203; điểm b, s, t, n khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T 04** (bốn) năm tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt với Bản án số 08/2019/HSST ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (cũ), buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù **06** (sáu) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T1 01** (Một) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”. Bị cáo được trừ thời gian bị tạm giam 04 tháng 26 ngày (từ ngày 10/01/2025 đến ngày 05/6/2025). Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Tường V 01** (Một) năm **03** (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”. Bị cáo được trừ thời gian bị tạm

giam 04 tháng 26 ngày (từ ngày 10/01/2025 đến ngày 05/6/2025). Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Huỷ bỏ Lệnh kê biên tài sản số 2542/LKB-CSKT, ngày 04/9/2025 của cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ, về việc kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: A N, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận số: DG247594 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 07/9/2022 (nhận chuyển nhượng từ ba mẹ ruột vào năm 2023, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Á (A) vay 7,4 tỷ đồng). Huỷ bỏ Lệnh phong toả tài khoản số 2546/LPT-CSKT ngày 04/9/2025 của của cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ về phong toả tài khoản ngân hàng số 2001201035597, Ngân hàng N1 (A1), chủ tài khoản Nguyễn Thị Tường V.

4. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Tường V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/3/2026).

**Nơi nhận:**

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng PV06 Công an thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Phú**





